



TÀI LIỆU Chuyên SÂU VCAP

Sư phạm Ngữ Văn (Trường Đại học Sư phạm Huế)

Phân tích nhân vật Mị trong truyện ngắn "Vợ chồng A Phủ"

A. Mở bài:

Chuyện kể rằng trên đỉnh núi Olympia thuở ấy, khi trái đất còn trong cảnh hỗn mang tăm tối. Anh em Prometheus được thần Zeus giao cho cai quản trái đất, sáng tạo con người. Hai anh em họ đã lấy đất sét trộn với nước nặn thành hình muôn loài. Trong khi người em đã nặn ra biết bao loài sinh vật thì người anh vẫn chưa hài lòng với tác phẩm đầu tiên của mình, ông muốn tạo ra một sinh vật phi thường có khả năng nắm giữ trái đất này và đó chính là "Con Người". Có lẽ cũng từ khi ấy, con người đã trở thành tâm điểm của mọi sự biến thiên trên vũ trụ này. Trong văn học cũng vậy, hai tiếng thiêng liêng "Con Người" vừa là khởi nguyên, vừa là cái đích mà nghệ thuật muốn hướng tới. Văn chương Tô Hoài cũng không nằm ngoài quy luật bất biến ấy, đặc biệt với truyện ngắn "Vợ chồng A Phủ", cây đại thụ của nền văn học Việt Nam đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Mị - một cô gái người Mèo xinh đẹp, mang trong mình sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ và bất diệt.

B. Thân bài:

Luận điểm 1: Giới thiệu tác giả, tác phẩm

Hiện thực là cánh đồng màu mỡ để người nghệ sĩ có thể thỏa sức thâm canh, ươm mầm những áng văn làm rung động trái tim người thưởng thức. Và cũng trên mảnh đất ấy, Tô Hoài đã in hằn những vết chân để xây dựng một thế giới văn chương đồ sộ với hàng trăm đầu sách, hàng nghìn bài báo, thể loại phong phú, đa dạng. Ông có cho mình đôi mắt sắc sảo, tinh đời và hóm hỉnh. Đó là "cửa sổ tâm hồn" để "người thư kí trung thành" của thời đại ấy vừa "thu" cuộc sống bề bộn, tươi nguyên vào tâm trí; vừa "phát" ra cuộc sống được tinh lọc, thăng hoa trên trang viết. Sẽ chẳng ai ngờ ngòai bút tưởng chừng sinh ra chỉ cắm vào cùnɡ kiệt đất ven đô lại một ngày nhập cuộc và bén duyên với núi rừng Tây Bắc. Tô Hoài giờ đây chẳng khác nào người lữ khách mang theo hơi thở đất trời, gieo xuống miền Tây những hạt giống văn chương, để rồi theo năm tháng, văn hương của ông đã làm mê đắm biết bao lòng người. Bởi vậy truyện ngắn "Vợ chồng A Phủ" (sáng tác năm 1952) được thoát thai như một lẽ hiển nhiên – thứ văn chương được chưng cất từ chính trải nghiệm của Tô Hoài khi "cùng ăn, cùng ở, cùng làm" trong suốt 8 tháng với đồng bào dân tộc Tây Bắc.

Luận điểm 2: Mở rộng vấn đề

1. Nhân vật văn học là gì?

Trong tác phẩm văn học, nhân vật chính là linh hồn của tác phẩm, là tiếng nói khác nhau về bức tranh hiện thực đời sống xã hội con người. Đồng thời, nhân vật chính là môi trường để nhà văn thể hiện phong cách, là vật chứng chứng minh cho sự trưởng thành của bút lực nhà văn trên hành trình sáng tạo nghệ thuật. Có thể nói, sự thành bại của một đời văn, của một tác phẩm văn học phụ thuộc rất nhiều vào việc xây dựng nhân vật. Cũng bởi lẽ vậy, Tô Hoài đã dồn tất cả bút lực để tạo lên hình tượng nhân vật Mị vô cùng đặc sắc

đồng thời tạo được ấn tượng đối với độc giả, qua đó góp phần thể hiện rõ nội dung tư tưởng và giá trị của thiên truyện.

2. Số phận của người phụ nữ từ Đông – Tây, Kim – Cổ

Theo kinh Thánh, Eva được sinh ra từ chiếc xương sườn của người Adam, giúp người đàn ông bớt cô đơn buồn tủi khi một mình sống ở vườn Địa đàng. Cùng với đó, ở châu Á, một thời người ta từng coi cuộc sống truân chuyên của người phụ nữ là do “kiếp sinh ra thế”, đó là định mệnh, là số phận chỉ có thể chấp nhận chứ không thể nào thay đổi được. Đây chính là thuyết Thiên mệnh của Nho Giáo. Trong khi thuyết nghiệp của Phật giáo làm nổi đau của người phụ nữ như được bé lại phần nào:

“Đã mang lấy nghiệp vào thân
Thì đừng trách lẫn trời gần trời xa”

(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Phải chăng sự yếu thế, nhỏ bé, không có tiếng nói là hằng số chung cho tất cả những người phụ nữ?

3. Liệu con người khi chịu áp bức có dám đứng lên phản kháng như Mị?

a. Người dân làng Mùì trong “AQ chính truyện” của Lỗ Tấn

Ta từng biết đến “AQ chính truyện”, Lỗ Tấn đã đả kích căn bệnh bạc nhược cố hữu – “ngu say trong một chiếc hộp sắt” của người nông dân Trung Quốc trước và sau cách mạng Tân Hợi năm 1911. Ông đã chọn làng Mùì – hình ảnh thu nhỏ của nông thôn Trung Quốc thời ấy – chốn ao tù, nước đọng, bảo thủ và trì trệ. Trong làng Mùì, cụ cố họ Triệu, cụ cố họ Tiền là tượng trưng cho kỷ cương, cho pháp luật, cho chân lý. Chúng nắm quyền bính trong tay. Xung quanh chúng là cả một hệ thống tay sai từ bác Khán đại diện cho chính quyền phong kiến đến Triệu Bạch Nhân, Triệu Tư Thần, thím Bảy Trần là những người bà con láng giềng có quan hệ kinh tế và huyết thống với chúng. Những người này tự đặt thông lệ để biến thành những tập quán bất di bất dịch và có hiệu lực hơn cả pháp luật nhà nước, làm cho dân làng không phân biệt được phải trái đến nỗi họ làm gì dân làng cũng cho là phải. Cụ cố Triệu tát cho A.Q một cái vào mặt thì nhất định A.Q là người có lỗi rồi, không cần bàn cãi: “Thì chả lẽ cụ Cố cụ Triệu lại có lỗi được sao?” Đó là một thứ uy thế tuyệt đối, địa chủ ở nông thôn lại được cơ cấu phong kiến che chở. Khi xảy ra chuyện giữa địa chủ và nông dân thì quan trên đứng về phía địa chủ đè nén nông dân. Nhưng ở đây, rõ ràng những người dân làng Mùì đã, đang và sẽ là nạn nhân trực tiếp của sự áp bức nhưng họ vẫn mù quáng và tin tưởng vào thế lực địa chủ.

b. Nhân vật Dững và những người nông dân trong tiểu thuyết “Đôi bạn” của Nhất Linh

Nhân vật chính của tác phẩm là Dững, một chàng trai xuất thân trong gia đình danh giá. Cha của anh là quan lại của chế độ phong kiến. Với bản tính nhân hậu, được học trường Tây và tiếp xúc với những tư tưởng tiến bộ, bác ái, bình đẳng của phương Tây, Dững cảm ghét sự bóc lột của chế độ phong kiến mục nát mà cha anh chính là đại diện. Mặt khác, Dững cảm thấy vừa thương, lại vừa giận những người nông dân trong xã hội cũ. Trong họ, sự trì trệ và tư tưởng nhược tiểu dường như đã ăn sâu bám rễ vào trong nếp nghĩ. Họ bị bóc lột, bị hành hạ, nhưng không dám phản kháng. Không những thế, những con người tội nghiệp ấy còn coi đó như điều tất yếu. Đôi bạn không chỉ là bức tranh xã hội nửa thực dân, nửa phong kiến những năm đầu thế kỷ qua góc nhìn của một người trẻ. Đó còn là hành trình đoạn tuyệt với cái cũ để đến với cái mới của tầng lớp thanh niên tiến bộ, mà tiêu

biểu là Dũng. Nếu như Dũng cứ nhất nhất sống theo ý muốn của cha mẹ để rồi bị sợi dây “huyết thống” và “gia đình” ràng buộc thì bản thân anh cũng không thể thay đổi. Càng nhiều con người bị níu giữ bởi những nếp nghĩ thủ cựu và cổ hủ như vậy sẽ khiến cả xã hội trở nên trì trệ và không thể tiến bộ.

Luận điểm 3: Cách giới thiệu nhân vật của Tô Hoài

Ngay câu văn đầu, Mị được giới thiệu bằng giọng kể trầm buồn phảng phất ý vị cổ tích *“Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lí Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá, cạnh tàu ngựa”*. Cách kể chuyện đã dần hé mở cho người đọc những dự báo bất hạnh trong cuộc đời nhân vật. Mị xuất hiện trong nhà thống lí Pá Tra với một chuỗi công việc: quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi, cõng nước... chứ không phải trong một hoàn cảnh nào khác. Tô Hoài đã xây dựng một tương phản: hình ảnh Mị làm lụi cô đơn với hàng núi công việc nặng nhọc đối lập với cảnh giàu có, nhà nhiều nương nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng của thống lí Pá Tra *“thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ biết buồn”*. Cảnh đối lập hé lộ thân phận thấp hèn của một nô lệ mang danh con dâu thống lý. Không chỉ vậy, tác giả còn đồng nhất hình ảnh Mị ngồi quay sợi với tảng đá, tàu ngựa. Mị còn trẻ nhưng hiện lên tựa một vật thể vô tri vô giác, câm lặng, âm thầm như một tảng đá và u tối, cực nhọc như kiếp trâu ngựa. Dường như cuộc đời của Mị giờ đây không được tính bằng vòng quay của thời gian mà được tính bằng vòng quay của công việc. Chính cách giới thiệu ấn tượng và cuốn hút ngay từ dòng văn đầu tiên, Tô Hoài đã hé mở cánh cửa về cuộc đời Mị, khiến người đọc trở nên tò mò và bắt đầu cuộc hành trình khai khoáng những giá trị hiện thực cũng như nhân đạo đang ẩn chứa trong từng trang bản thảo của tác giả.

Luận điểm 4: Trước khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra

1. Mị - người con gái hội tụ nét đẹp của một cô gái truyền thống: nhan sắc, tài hoa

Mị là một người con gái xinh đẹp, lắm kẻ thương người nhớ. Nàng chẳng khác nào bông hoa của núi rừng Tây Bắc đang nở rộ giữa tiết trời xuân, ngan ngát hương thơm khiến bao người mê đắm. Song “Sắc đành đòi một, tài đành họa hai” (Truyện Kiều – Nguyễn Du), cô gái người Mèo đang độ mười tám đôi mươi ấy còn có cho mình tài thổi sáo, đàn môi: *“Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo”*. Tiếng sáo của Mị ngân vang khắp bản làng miền cao, trai làng vì mê tiếng sáo ấy không quản ngại mà *“ngày đêm thổi sáo đi theo Mị”, “đứng hẳn cả chân vách đầu buồng Mị”*. Nhưng có lẽ sự tài hoa và nét xinh đẹp hơn người cũng đã ngầm dự báo một số phận nhiều trắc trở về sau của Mị, như cách Nguyễn Du đã miêu tả vẻ đẹp xuất thần của Kiều để rồi ngồi bút lại rỉ máu mà chua xót:

“Lạ gì bỉ sắc tư phong

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”.

2. Mị có cá tính mạnh mẽ, tự chủ dù có phải chịu nhiều vất vả

Mang trong mình một trái tim tươi đỏ với những nhịp đập thổn thức của tình yêu, Mị đang yêu và khao khát được yêu, Mị muốn đi theo tiếng gọi của trái tim mình nên đã xin với bố rằng: *“Con nay đã biết cuộc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu”*. Mị thà rằng chịu một cuộc sống vất vả, cực nhọc, lao động chăm chỉ và tự mình quyết định số phận của chính mình thay vì trở thành món hàng hóa để gả bán cho nhà giàu. Dường như Mị chính là hình mẫu lí tưởng của biết bao cô gái nơi dốc núi ngàn sương, họ gắn liền với tinh thần lao động, chủ động và say mê với công việc. Đó là những cô gái nơi núi rừng chiến khu “Việt Bắc” của Tố Hữu: “Nhớ cô em gái hái măng

một mình”, là hình ảnh bình dị của những “Cô em xóm núi xay ngô tối” vùng sơn cước xa xôi...

3. Nhưng dù muốn tự chủ, Mị cũng rất vị tha, hiếu thảo để hi sinh cho cha

Rõ ràng tất cả những gì Mị đang sở hữu: sắc đẹp, tài năng, phẩm chất,... đáng lẽ nàng phải có một cuộc sống hạnh phúc song, người con gái tài sắc vẹn toàn ấy đâu thoát khỏi trò đùa của con tạo: “Anh hoa phát tiết ra ngoài/ Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa”. Vì không thể trả món nợ truyền kiếp nên Mị bị bắt về làm “con dâu gạt nợ” cho nhà thống lí Pá Tra. Mị chịu biết bao khổ đau sầu tủi, nhiều lần nghĩ đến cái chết để giải thoát cho mình, vậy mà vì thương cha, nghĩ đến cảnh cha già yếu vẫn bị đầy đọa không yên, nàng lại không đành lòng chết, chỉ *“bưng mặt khóc”* rồi *“ném nắm lá ngón xuống đất”*, chấp nhận gạt nước mắt quay về nhà thống lí tiếp tục làm nô lệ, sống cuộc đời mà sự sống còn đáng sợ hơn cái chết. Ta từng bắt gặp bà Ảng trong “Cứu đất cứu mường”; Mát, Yên trong “Mường Giơn”, cũng như Mị là những đại diện, tượng trưng cho thân phận của biết bao người phụ nữ nghèo và khổ đến tận cùng cơ cực lúc bấy giờ. Nghèo, đói, áp bức đến rã rời, họ còn phải chịu trăm ngàn cay đắng, tủi nhục mà không được phép chết, bởi chết đồng nghĩa với bất hiếu, trút hết gánh nặng lên đôi vai gầy guộc của mẹ của cha.

Luận điểm 5: Mị khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra

Sứ mệnh của nhà văn giờ đây chẳng khác nào một nhà địa chất tâm hồn, khai khoáng từng mảng nỗi đau nhân loại, anh ta phải đồng cảm, phải yêu thương và nâng niu những tâm hồn sứt mẻ. Đến với những trang viết thấm đượm giá trị nhân đạo cũng như hiện thực của Tô Hoài trong “Vợ chồng A Phủ” người đọc bắt gặp sự thống khổ của Mị khi về làm “con dâu gạt nợ” cho nhà thống lí Pá Tra khiến ta không khỏi xót xa. Dưới sức mạnh tàn bạo của cường quyền và sự bủa vây độc ác thần quyền đã biến Mị thành vợ A Sử - làm dâu nhà Pá Tra một cách bất ngờ, không kịp phản kháng. Người ngoài nhìn vào tưởng như Mị là con dâu nhưng thực chất Mị chỉ là con nợ. Đau xót hơn cả nếu đơn thuần chỉ là con nợ thì một ngày kia Mị có thể tự giải thoát cho chính mình sau khi trả xong nợ, nhưng Mị lại chịu cảnh một cổ hai tròng, thân vừa làm con nợ, vừa làm dâu không chút địa vị trong nhà thống lí. Giờ đây Mị hiểu rằng cô sẽ phải sống trong thân phận “con dâu gạt nợ nhà thống lí” – thân phận của một nô lệ khốn khổ suốt những năm tháng còn lại của cuộc đời: *“Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi”*. Tô Hoài đã khéo léo sử dụng bút lực để tạo ra phép tương phản đối lập giữa không gian rực rỡ, náo nhiệt trong căn nhà của gia đình quyền thế: *“Người ta thường nói: nhà Pá Tra làm thống lí, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng...”* với không gian u tối, trầm buồn, lặng lẽ và cô độc của Mị: *“một cô gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa”*. Cuộc sống làm con dâu gạt nợ khó khăn và khổ nhục không tương với người con gái ấy. *“Có đến hàng tháng trời đêm nào Mị cũng khóc”*, những giọt nước mắt chan hòa với niềm đau trong trái tim của một cô gái vẫn còn quá trẻ. Mị khổ tâm, uất ức khi nhận thức được nỗi đau hiện tại do đâu mà ra. Đó là việc Mị phải chấp nhận lấy một người đàn ông mà mình không yêu, bắt đầu một chặng đường vui chôn tuổi xuân trong năm mờ mang tên “hôn nhân”. Người con gái ấy bị chính người chồng của mình đánh đập, hành hạ không kém gì thú vật. Ta cảm tưởng như cả thể xác và tinh thần của Mị đều chẳng chịt những vết thương, cũ có, mới có, cứ thế xếp lớp, xếp chồng đè nặng lên tâm hồn và cơ thể Mị. Để rồi nàng đã tự mình tìm đến nắm lá ngón - thứ độc dược của rừng xanh như một sự giải thoát. Phản kháng bằng việc tìm đến cái chết liệu có phải là khát khao sống tự do của Mị? Tuy nhiên trên thực tế đó chỉ là hành động, là ý thức phản kháng yếu ớt và đơn độc. Nhưng cái đau lòng hơn cả của Mị đó chính là giây phút nhận ra

lối thoát ấy tuột khỏi tầm tay vì *“Mị mà chết thì cha còn khổ hơn bao giờ hết”, “thế là Mị lại không đành lòng chết”*. Và rồi Mị lại đành chấp nhận kiếp sống trâu ngựa, bị trói buộc bởi thần quyền: *“ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây”*. Nhiều năm trôi qua, cha già - người thân duy nhất cũng qua đời nhưng cái thôi thúc giải thoát trong Mị nay đã tắt. Mị không còn nghĩ đến đấu tranh bởi lẽ sống hay chết đối với cô lúc này không quan trọng nữa và đương nhiên “lá ngón” cũng chẳng còn lảng vảng trong tâm trí đã ngủ quên. Cuộc sống bây giờ là sự kéo dài của những ngày chưa chết hay việc sống chỉ như là một tồn tại mờ mờ nhạt nhòa? Từ khoảnh khắc tự tử không thành cho đến về sau *“Mị tưởng mình cũng là trâu, mình cũng là ngựa. Con ngựa chỉ biết ăn cỏ, biết đi làm mà thôi.”* Mị chẳng khác nào cỗ máy lao động, làm những công việc nặng nhọc được lặp đi lặp lại từ năm này qua năm khác: *“lúc nào cũng nhớ lại những việc giống nhau, mỗi năm một mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại: Tết xong lên núi hái thuốc phiện; giữa năm thì giặt dãi; đến mùa đi nương bẻ bắp. Và dù đi hái củi, bung ngô, lúc nào cũng gài một bó dãi trong tay để tước sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm, suốt đời như thế.”* Năm tháng sống trong nhà thống lí đã khiến cô gái có ý thức tự chủ mạnh mẽ ngày nào dường như đã không còn sức phản kháng. Đau đớn hơn cả, hình ảnh của một con người bằng xương bằng thịt lại được miêu tả, đồng nhất vào những sự vật vô tri vô giác như trâu ngựa hay *“lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa”*,... Chuỗi ngày mòn mỏi trong đau khổ khiến Mị buông xuôi cuộc đời, đầu hàng số phận, thậm chí cô còn nghĩ bản thân chẳng bằng thân trâu ngựa: *“Con ngựa, con trâu làm có lúc, đêm còn được đứng gãi chân, nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này vùi vào công việc cả đêm cả ngày.”* Động từ “vùi” miêu tả rõ nét lượng công việc mà Mị phải làm trong ngày, cứ luân phiên ngày này qua ngày khác, chẳng một giây phút thanh thoi, ta tưởng như thanh xuân của Mị giờ đây không được tính bằng vòng quay của thời gian mà được tính bằng vòng quay của công việc. Không còn mòn mỏi hay khát khao, Mị thu mình lại trong căn buồng lạnh lẽo, tăm tối và chật hẹp chẳng đón nổi một tia nắng bình minh: *“chiếc cửa sổ lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy mờ mờ trăng trắng, không biết là sương hay là nắng”*. Tô Hoài đã khéo léo sử dụng tính từ “trăng trắng” – gợi tả mảng màu vô định, lập loè và mờ ảo, làm hiện lên trước mắt ta không chỉ đơn thuần là căn buồng mà nó còn là ngục thất giam cầm một tù nhân đã mất ý niệm về thời gian sống, mất cảm giác về cuộc đời và thân phận mình. Không gian chật hẹp, tù túng ấy trái ngược hoàn toàn với với sự rộng lớn và tự do trước đây của Mị: một cuộc sống dẫu nhiều thiếu thốn về vật chất nhưng lại đầy đủ về tinh thần. Chính vì tinh thần đang bị bóp nghẹt, Mị dần trở thành người đàn bà lạnh lùng, vô cảm. Trước hết, Mị vô cảm với nỗi đau khổ của người khác. Trong những đêm đông lạnh lẽo ở Hồng Ngài, A Phủ bị trói tời mấy đêm bên đống lửa, vậy mà hàng đêm Mị vẫn thản nhiên thổi lửa hơ tay. Và Mị thậm chí còn nghĩ *“A Phủ có là cái xác chết đứng đấy cũng thế thôi”*, rõ ràng cô ý thức được sự vô cảm của mình nhưng tiếc rằng, trái tim nhân hậu của cô dường như đã nguội lạnh mất rồi! Và điều đáng sợ hơn cả, Mị giờ đây còn vô cảm với nỗi đau khổ của chính mình. Nếu như trước đây, khi mới sống trong nhà thống lí Pá Tra, Mị giãy giụa, phản kháng, thậm chí còn muốn tìm đến cái chết để giải thoát thì bây giờ, sau những tháng ngày đầy đau, ngay cả khi cha đã chết, không còn ràng buộc, Mị cũng chẳng còn tưởng đến sự chết nữa. Tô Hoài đã viết những câu văn tưởng như lạnh lùng mà biết bao đau đớn: *“ở trong cái khổ, Mị quen khổ rồi.”* hay *“Mị nghĩ rằng mình cứ ngồi trong lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi.”* Bên cạnh đó, khi bị A Sử đánh, trói, hay đập ngã ra cửa bếp lúc sưởi lửa, Mị vẫn đứng đờ đẫn, đêm sau vẫn ra sưởi như đêm trước, không một chút sợ hãi, hay buồn bực. Nhà thơ Xuân Diệu cũng từng viết trong tác phẩm “Tòa nhì Kiều” về cuộc sống của hai cô gái Quỳnh và Giao. Một cuộc sống mà tất cả đều bằng lặng, nhạt nhòa, không sắc thái, không biến động “cứ buồn buồn ngồi đó, trên trường kỷ, chờ đợi một cái gì đó xảy đến...” và ông nhận ra rằng, cái đáng sợ nhất cho mỗi đời người không phải là

cái nghèo, cái đói hay cái khổ mà chính là sự vô vị của cuộc sống. Sống mà không có lấy một cái gì để chờ đợi và hy vọng, để yêu thương và giận hờn. Cuộc sống của Mị trên trang văn của Tô Hoài cũng chẳng khác nào cái “ao đời phẳng lặng” của Quỳnh và Giao.

Luận điểm 6: Sức sống tiềm tàng của Mị trong đêm tình mùa xuân

Nâng đỡ con người và khuyến khích con người trong cuộc chiến đấu để sinh tồn là thiên chức của nhà văn. Anh ta không được chiều theo yếu đuối và sa đọa của con người, không thể có một thứ nghệ thuật đòi chết hay nghệ thuật bi quan. Anh ta phải là người thổi sinh khí vào đời sống bằng cách kêu gọi đào luyện một ý chí sống cao thượng quả cảm. Hiểu được điều ấy, Tô Hoài đã không ngần ngại trao cho Mị một ngọn gió lành để thổi bùng mầm lửa sức sống tiềm tàng khi mùa xuân đến. Cõi lòng băng giá của cô gái người Mèo ấy cứ tan băng, cứ ấm dần theo từng tác động của nắng xuân, của màu sắc biến ảo ở hoa thuốc phiện trên nương, của ánh trăng đêm hò hẹn ngoài nương, của ánh trăng đêm hò hẹn ngoài rừng, của tiếng khèn, tiếng sáo, tiếng hát gọi bạn tình của trai gái ngoài kia...

1. Bức tranh thiên nhiên và cuộc sống con người trong đêm tình mùa xuân

Năm ấy mùa xuân ở Hồng Ngài “gió và rét dữ dội”, “trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho. Trẻ con đi hái bí đỏ, tình nghịch, đã đốt những lều canh nương để sưởi lửa.” Niềm vui đón xuân như được nhân lên cùng niềm vui thu hoạch mùa màng. Vạn vật đổi thay, đất trời như có men say, sự sống đang âm thầm cựa mình xôn xao trong cây cỏ. Đúng lúc gió và rét rất dữ dội thế nhưng, bất chấp cái khắc nghiệt của thời tiết, không khí đón Tết vui xuân của Hồng Ngài vẫn rất náo nức từng bừng. Cái thiên nhiên mơn mớn ấy vào xuân đã đánh thức cái khát vọng vốn luôn ẩn sâu bên trong con người, đem lại sự hồi sinh trong con người sống mà tưởng như đã chết của Mị. Nó dự báo một cuộc nổi dậy, nổi loạn trong tâm hồn nhân vật. Trong các truyện ngắn kháng chiến, nhất là tập truyện viết về miền núi Tây Bắc, Tô Hoài miêu tả thiên nhiên rất say mê, những bức tranh đẹp và thơ mộng nhằm thể hiện tâm trạng nhân vật. Đọc thiên nhiên Hồng Ngài vào xuân, tôi nhớ đến cảnh đất trời Mường Giôn trong ngày giải phóng mà Tô Hoài đã kí họa: “từ mặt đất, mây mù cất cao như cái mảnh sương dần dần cuộn lên, đầu tiên trông thấy đồng lúa chín, rồi nước suối Nậm Giôn óng ánh sáng, rồi nóc nhà trong làng nhấp nhô”. Tất cả con người trong cảnh thiên nhiên ấy bỗng nhiên cũng vui sướng tột độ. Có thể nói, chính khung cảnh thiên nhiên trong truyện ngắn của Tô Hoài đã khiến cho nhân vật của ông hiện lên đầy đủ hơn về tính cách và tâm hồn. Đặt trong cuộc sống đời thường, trong môi trường sinh hoạt và giữa khung cảnh thiên nhiên, con người luôn được soi chiếu từ nhiều góc nhìn khác nhau. Điều đó đã chứng tỏ tài năng và bản lĩnh nghệ thuật của Tô Hoài.

2. Diễn biến tâm trạng và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân

Qua một khoảng thời gian dài sống tê liệt vô cảm, thiên nhiên Hồng Ngài năm ấy vào xuân đã đánh thức tâm hồn Mị. Và trong cái nhiên nhiên rạo rực cả đất trời ấy, nổi bật nhất là chi tiết tiếng sáo: “tiếng sáo lấp ló ngoài đầu núi”, “tiếng sáo vắng vắng gọi bạn ở đầu làng”, “tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lơ lửng bay ngoài đường”, “tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi”,... Tiếng sáo dẫn Mị về quá khứ đẹp đẽ, rồi đưa Mị quay về thực tại đầy đớn đau, nhưng sau cùng lại giúp Mị có những hành động phản kháng đòi quyền được sống như một con người. Đối với những người khác, tiếng sáo mùa xuân có thể là điều bình thường, nhưng với Mị - con người đang sống trong hoàn cảnh nô lệ thì âm thanh ấy có ý nghĩa đặc biệt. Tôi nhớ những vần thơ của Maia khi tác giả nói về ánh nắng hiếm hoi trong nhà ngục:

“một ánh nắng

Vàng hoe cửa buồng giam

Tôi đánh đổi cả cuộc đời không tiếc”

Cái ánh nắng vàng hoe ấy có thể vô nghĩa với người khác nhưng với tác giả, trong hoàn cảnh tù ngục, lại thấy vô cùng đặc biệt. Khám phá sự bí ẩn, và thấy được trong con người nhỏ bé của mình một sức mạnh siêu phàm. Sự bí ẩn và sức mạnh ấy vốn nằm sâu bên trong mỗi người. Và phải chăng trong chút nắng vàng, trong âm thanh tiếng sáo vốn quen thuộc ấy luôn tiềm ẩn một ánh mắt nhìn đắm đắm và chờ mong?

Lưu ý: ở đây chúng ta có thể phân tích theo hai cách

Cách 1: theo 4 chặng của tiếng sáo: tiếng sáo lấp ló ngoài đầu núi ⇒ tiếng sáo vắng vắng gọi bạn đầu làng ⇒ tiếng sáo lơ lửng ngoài đường ỏ tiếng sáo trong tiềm thức ⇒ tiếng sáo biến mất

Cách 2: theo logic phản kháng của nhân vật: mằm mống của sự phản kháng bắt đầu trỗi dậy ⇒ nhớ về quá khứ tươi đẹp ⇒ thức tỉnh về thực tại: thấy được sự bất công ⇒ dẫn đến hành động phản kháng ⇒ hành động phản kháng bị vùi dập

a. Mằm mống của sự phản kháng bắt đầu trỗi dậy trong Mị

Có lẽ sau bao nhiêu năm, hình ảnh “trong các làng Mèo đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá xòe như những cánh bướm sặc sỡ” lại mới lọt vào mắt Mị. Ấn tượng mạnh về chiếc váy hoa sặc sỡ cho thấy nhu cầu làm đẹp đã chết từ lâu đang trở về trong cô gái héo mòn này. Và trong sâu thẳm lòng Mị vẫn có một tiếng hát, mà không có thứ đòn roi cường quyền hay bóng ma thần quyền nào có thể hủy diệt được. Tiếng hát trong hồn người vốn là một sự kết tinh kì diệu của sức sống con người. Bị vùi sâu chôn chặt tận đáy tâm khảm bấy lâu nay, tiếng hát ấy đang cựa mình thức dậy: *“Mị nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi. Mị ngồi nhắm thầm bài hát của người đang thổi.”*

Mày có con trai con gái rồi

Mày đi làm nương

Ta không có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu.”

Nếu như trước đây, tất cả những tác động của cuộc sống không khiến Mị bận tâm thì giờ đây, từ một người đàn bà âm thầm câm lặng như con rùa lùi lũi nuôi trong xó cửa thì nay đã ngồi *“nhắm thầm bài hát”*. Và đó chính là minh chứng cho nhu cầu được sống, được giao cảm cũng như giao lưu đang trở về trong Mị.

b. Nhớ về quá khứ tươi đẹp

Trong không khí của đêm tình mùa xuân, trong cái nồng nàn của bữa rượu ngày tết, *“Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu uống ực từng bát”*. Cách uống rượu của Mị khiến ta ngạc nhiên nhưng không cảm thấy vô lí. Bởi sau bao tháng ngày đau đớn, tủ nhục, giờ là lúc Mị được sống lại với chính con người mình. Mị uống như để quên đi cái phần đời cay đắng vừa qua, để sống lại mạnh mẽ cái phần đời tươi trẻ đã có. Hình ảnh Mị chuyển choáng men say khiến ta nhớ đến thằng Chí Phèo từng đắm mình trong hơi rượu, càng uống lại càng thấy xót xa, thấy rằng cái bi kịch đời mình quá đỗi lớn lao, hay hình ảnh của người đàn bà chịu cảnh “chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai” cũng ngất ngây lòng mình với rượu dưới ánh trăng mà òa lên đau đớn khi:

“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn”.

(Hồ Xuân Hương)

Chi tiết đắt giá chính là “bụi quý” trong lao động nghệ thuật của người nghệ sĩ chứ không phải là thứ cát bụi tầm thường. Anh ta phải cực nhọc dồn hết tình yêu, tâm tài cũng như trải nghiệm của mình để sáng tạo ra những chi tiết nghệ thuật đắt giá. Có thể nói, Tô Hoài rất tài hoa, khéo khi chọn chi tiết tiếng sáo trong đêm tình mùa xuân để khơi gợi sức sống trong Mị: *“Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng”*. Tiếng sáo đã gọi dậy một tâm hồn chai sạn; tiếng sáo ấy đã đánh thức sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ; tiếng sáo ấy đã tô đậm khát khao tự do, cõi trời cuộc đời;...Dường như chi tiết tiếng sáo trong đêm tình mùa xuân đã trở thành một điểm sáng nghệ thuật vừa hiện thực, vừa lãng mạn, đậm chất dân tộc và giàu chất thơ. Từ *“văng vẳng”* không chỉ gợi tiếng sáo từ khoảng cách xa, đó còn là âm thanh của hoài niệm xa xôi đang dần được đánh thức sau giấc ngủ im lìm: *“Mị lịm mặt ngồi dậy nhìn mọi người nháy đồng, người hát, nhưng lòng mị thì đang sống về ngày trước”, “Ngày trước Mị thổi sáo giỏi”, “Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị”*. Mị nghĩ về quá khứ chính là cách để thoát khỏi thức tại, là minh chứng rõ nét cho thấy nàng không còn cam chịu cuộc sống ngọt ngào, cảm lạnh này nữa mà đang tìm cách vượt thoát khỏi chốn địa ngục trần gian đã giam giữ nàng bấy lâu nay.

c. Thức tỉnh về thực tại phũ phàng

Chẳng lẽ tự nhiên mà Tô Hoài được xưng danh “Cây đại thụ của nền văn học Việt Nam”. Bằng sự già dặn của một cây bút từng trải, ông không để tâm lí nhân vật phát triển theo một đường thẳng mà tinh tế gửi gắm nhân vật Mị vào một thế đa chiều, nhiều thử thách. Mặc dù được men rượu thôi thúc nhưng Mị không bước ra ngoài đường để hòa mình vào đám đông đang vui vẻ ngoài kia mà nàng *“từ từ bước vào buồng”*. Đây chính là bước chân của tiềm thức, của lối mòn thân phận. Trong căn buồng ấy chỉ có duy nhất *“một cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng”*, nó chẳng khác nào ngục thất không ngày ân xá khi chịu kiếp con dâu gặt nợ, một cổ hai tròng. Nếu làm con nợ, Mị chỉ cần chăm chỉ làm việc rồi một ngày nào đó hoàn toàn có thể trả hết nợ, nhưng đằng này, Mị vừa chịu kiếp con nợ vừa đảm nhận kiếp con dâu nhà thống lí khiến nàng chẳng thể nào trốn thoát khỏi nơi đây. Nhưng ảo giác của quá khứ mãnh liệt đã giúp Mị xóa mờ những bất hạnh của hiện tại khiến Mị *“phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước”*. Mị ngồi đó, bất chợt nhận ra *“Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi”*. Những câu văn ngắn, nhịp điệu dồn dập tạo nên sự thôi thúc mạnh mẽ làm bùng cháy khát vọng sống từ sâu trong tâm khảm Mị. Lúc này, Mị ý thức rõ về quyền sống, quyền được đi chơi ngày Tết như bao người phụ nữ có chồng khác. Khi ý thức trỗi dậy thì cũng là lúc Mị cảm thấy rõ hơn bao giờ hết cái vô nghĩa lí của cuộc sống thực tại. Nếu trước đây, người con gái ấy *“quen khổ”* tới mức chai sạn, không còn tưởng đến việc ăn lá ngón tự tử nữa thì giờ đây *“nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa”*. Đã hơn một lần Mị muốn chết, chết để không phải chịu kiếp sống khổ đau, để chấm dứt thân phận con dâu gặt nợ đầy cay đắng, tủi nhục. Những giọt nước mắt của Mị cũng đã bắt đầu rơi, nó chứng tỏ sự sống bắt đầu được hồi sinh sau tháng ngày tê liệt cảm xúc và cô gái Mèo ấy đang ý thức rất rõ hoàn cảnh đau xót của mình. Trong “Chọn” nhà thơ Văn Cao đã từng đúc kết:

“Giữa sự sống và sự chết

Tôi chọn sự sống

Để bảo vệ sự sống

Tôi chọn sự chết”

Và với Mị, nghĩ đến cái chết ở đây là cách thể hiện của một con người ý thức được tình trạng sống vô nghĩa. Muốn chết để bảo toàn cho phần nhân tính đang cơ hồ trở dậy, muốn chết để khỏa lấp đi những nỗi đau trong cuộc sống thực tại mà người con gái ấy đang phải gánh chịu.

d. Hành động phản kháng táo bạo

Chi tiết tiếng sáo là tác nhân quan trọng nhất đến sự chuyển biến tâm trạng và hành động của Mị. Cô dõi theo từng “bước đi” của sáo: Từ “*đầu núi*” đến “*đầu làng*” rồi “*lửng lơ bay ngoài đường*”. Từ chỗ là một âm thanh bên ngoài, tiếng sáo trở thành “nốt nhạc” trong tâm hồn Mị, nó như một “chất xúc tác” để thôi thúc quá trình hồi sinh của Mị diễn ra nhanh hơn: “*Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn thêm một miếng bỏ vào đĩa đèn cho sáng*”. Đây không đơn thuần chỉ là hành động thắp sáng căn buồng, mà nó còn biểu tượng cho việc thắp sáng cho cuộc đời chính mình. Thứ ánh sáng ấy xua tan đi bao đêm tối triền miên, chiếu rọi vào sâu trong tâm khảm như đã chết của Mị, để khao khát hạnh phúc, khao khát tự do tìm đường giải thoát cho Mị khỏi sự trói buộc của cuộc sống thực tại. Thứ ánh sáng ấy làm ta nhớ đến ngọn đèn trong truyện ngắn “Hai đứa trẻ” của nhà văn Thạch Lam. Ngọn đèn con dưới ngòi bút của Thạch Lam cũng hiện lên với sức sống yếu ớt, leo lét, chẳng thể đủ sức xoá tan bóng tối nơi phố huyện tồi tàn. Nhưng lạ thay ánh đèn ấy tuy nhỏ bé nhưng lại chưa bao giờ tắt, chưa bao giờ thôi làm một “quầng sáng thân mật” của chị em Liên. Bởi lẽ ánh đèn ấy cũng biểu tượng cho tình người, cho khát vọng sống của những trái tim khốn khó. Sau khi thắp ngọn đèn trong căn buồng, Mị “*quấn lại tóc*”, “*với tay lấy cái váy hoa*”, “*rút thêm cái áo*”,... dường như giờ đây Mị đã tìm lại được chính mình của ngày trước: một cô gái trẻ đẹp, tràn đầy sức sống.

e. Sức sống hội sinh bị vùi dập

Khi những hoạt động sống đang trào sôi thì cũng là lúc nó bị vùi dập dã man bởi A Sử: “*Mày muốn đi chơi à?*” Câu hỏi lạnh lùng ấy như gáo nước lạnh dập tắt ngọn lửa sức sống tiềm tàng đang hồi sinh của Mị. Hẳn bất gặp và trối đứng Mị vào cột nhà bằng cả “*một thùng sợi dây*”, quấn tóc Mị lên cột khiến cô “*không cúi, không nghiêng được đầu*”. Xong hắt tắt đèn, khép cửa buồng, để Mị một mình đứng trong căn buồng đầy bóng tối. Và cứ thế, Mị một lần nữa rơi vào tuyệt vọng, cánh cửa cuộc đời lại một lần nữa khép lại với nàng... Song, sự hành hạ ấy lại là phép thử để cho độc giả thấy rõ sức sống tiềm tàng của Mị được đẩy lên đỉnh điểm: “*Trong bóng tối, Mị đứng lặng im, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi.*” Mặc dù bị A Sử trối đứng nhưng Mị dường như quên mình đang bị trói, quên đi những đau đớn về thể xác, trong Mị vẫn nồng nàn tiếng sáo gọi bạn tình đưa Mị đi theo những cuộc chơi. Tâm hồn Mị đang còn sống trong thực tại ảo, sợi dây trối của đời thực chưa thể làm kinh động ngay lập tức giấc mơ của kẻ mộng du, nó có thể trối buộc thể xác của Mị nhưng cô vẫn tìm cách vượt ngục bằng tinh thần. Phải chăng là vì Mị đang sống toàn tâm, toàn ý với những ý nghĩ tươi đẹp, mộng tưởng cùng khát vọng tự do, hạnh phúc? Người con gái ấy vẫn chưa muốn quay lại thực tại, cô vẫn thả hồn, du dương theo tiếng sáo và lời ca của những cuộc chơi trong đêm tình mùa xuân. Và chỉ đến khi “*vùng bước đi*” sợi dây trối thắt vào “*tay chân đau không cựa được*” Mị mới tỉnh lại và trở về với thực tại tàn khốc, phũ phàng. Bằng một câu văn ngắn gọn với bốn chữ “*Mị vùng bước đi*” Tô Hoài đã khiến Mị rơi vào hố sâu của tuyệt vọng, nó như một cái bản lề khép hoàn toàn cánh cửa đến vùng đất hứa đối với Mị – vùng đất rộng lớn, tự do cũng như tràn ngập hạnh phúc. Lúc này đây, tiếng sáo tượng trưng cho tình yêu và hạnh phúc đột ngột tan biến: “*Mị không*

nghe thấy tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách.” Tiếng chân ngựa đạp vào vách ấy đã đưa Mị từ thiên đường trở về với địa ngục trần gian, để Mị nhận ra hiện thực phũ phàng rằng: Chao ôi! Loài súc vật còn đang được tự do trong lãnh địa của riêng nó, cơ sao Mị là con người mà lại bị trói buộc như xác chết ở đây? *“Mị thốn thức nghĩ mình không bằng con ngựa”. “Tiếng chó sủa xa xa. Chừng đã khuya. Lúc này là lúc trai đang đến bên vách làm hiệu rủ người yêu dỡ vách rừng chơi. Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi”*. Cả đêm đó hồn Mị lửng lơ giữa nhớ và quên, giữa hiện tại và quá khứ, giữa thực tại và ảo ảnh,... Đau đớn, xót xa như dội lên lồng ngực, thắt lại trên da thịt Mị, cửa vào trái tim Mị thêm những vết dọc ngang, cạnh những vết thương vẫn hoài rỉ máu, âm ỉ, chua cay...

Luận điểm 7: Diễn biến tâm trạng của Mị trong đêm đông cởi trói cứu A Phủ

“Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng, bác ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vất cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng máu nóng của mình cho nhân loại” (Lev Tolstoy). Thật vậy, từ Đông Tây kim cổ, tất thấy những tác phẩm văn chương chân chính đều hướng cái hồn cốt trong lõi nghiên mực vào muôn sự ở đời. Lắm khi chỉ là chuyện con ong cái kiến, chuyện cái lá lìa cành, cánh chim rời tổ,... nhưng sức sống của những mẫu chuyện tưởng như vật vãn ấy lại chưa bao giờ ngưng đập. Nếu có ai đó dùng tấm gương của đời soi chiếu vào dòng chảy của văn chương, hẳn ánh mắt họ sẽ long lanh ứa lệ và trái tim thì rung rúc một nỗi niềm khôn tả dẫu rằng chuyện mà nhà văn nọ kể nay đã chỉ còn là dĩ vãng. Bữa ấy trời đẹp, ta đọc lại lưu bút “Vợ chồng A Phủ” của nhà văn Tô Hoài và cũng cảm thấy nghẹn ngào hết như thế. Ấy là khi ta bắt gặp được cái tư tưởng nhân đạo trong ngòi bút của “một cây đa cây đề trong làng chữ”, đặc biệt là khi ông viết về hình ảnh cô Mị giải cứu A Phủ trong đêm đông giá lạnh nơi rẻo cao Hồng Ngài xa xôi.

1. Điều kiện thức dậy khao khát sống lần thứ hai

Cuộc gặp gỡ giữa Mị và A Phủ diễn ra hết sức tự nhiên. Ngòi bút dẫn dắt đầy thuyết phục của Tô Hoài đã xây dựng tình huống ấy: Cả Mị và A Phủ đều là nạn nhân của gia đình thống lí Pá Tra, cùng bị bố con thống lí Pá Tra trói đứng, song quan trọng hơn cả là ở cả hai người đều tiềm tàng sức sống mãnh liệt và khao khát được sống, khao khát hạnh phúc. A Phủ là một chàng trai của núi rừng Tây bắc hội tụ đầy đủ phẩm chất lý tưởng trong các câu chuyện dân gian quen thuộc: chàng trai mồ côi, không có bất kì sự ràng buộc nào, nghèo khó nhưng giàu nghĩa khí, tràn trề sức khỏe và sự can trường bản lĩnh. Chàng trai ấy sống giữa những trói buộc tàn tệ của cường quyền và thần quyền tâm hồn vẫn lộng gió của khát vọng tự do nơi những cánh rừng đại ngàn mệnh mông bất tận. Mị cần có hơi men và tiếng sáo để làm bùng thức khát khao chảy bỏng về hạnh phúc thì A Phủ căng tràn mình ra, làm lì như tảng đá hứng trọn trận mưa roi bão đòn suốt đêm mà chẳng một lời van xin. Đó chính là thái độ căm lạng của sự phản kháng chứ không phải của sự vô cảm như Mị. Tuy nhiên, A Phủ dũng cảm nhưng cô độc. Người ta không thể chống lại cường quyền nếu chỉ có một mình. Và người sẽ đến bên, cứu thoát, đồng hành cùng A Phủ chính là Mị. Mị giải thoát A Phủ cũng chính là giải thoát cho bản thân mình. Nhưng để đến được với hành động quyết liệt ấy, Mị cũng phải trải qua những diễn biến nội tâm giằng xé.

2. Diễn biến tâm trạng Mị trong đêm mùa đông

Sau đêm tình mùa xuân, thái độ của Mị dường như lại quay về quỹ đạo cũ. Tuy nhiên có lẽ chính bản thân cô cũng không nhận ra, sức sống tiềm tàng vẫn âm ỉ đâu đó trong mình. *“Những đêm đông trên núi cao dài và buồn”*, Mị thấy A Phủ bị trói đứng, Mị vẫn thản nhiên *“thối lửa hơ tay”* mà không mấy may đau khổ hay tiếc thương: *“Nếu A Phủ là cái xác chết ở đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi lửa hơ tay. Mị vẫn chỉ biết đến ngọn*

lửa. Ngọn lửa kia là ánh sáng duy nhất mà Mị có được bấy giờ: *“nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mị cũng đến chết héo”*, nó đã thắp sáng không gian, đem lại hơi ấm giúp Mị sinh tồn. Không chỉ vậy, ngọn lửa ấy còn là tác nhân để làm phục sinh sự sống tiềm tàng bên trong Mị. Lúc đầu, ngọn lửa bùng lên khiến Mị bắt gặp cái nhìn *“trùng trùng”* của A Phủ, nhưng Mị vẫn *“thản nhiên thổi lửa, hơ tay”*. Lúc ấy *“ngọn lửa sưởi bùng lên”*, nhưng ngọn lửa lòng nơi Mị thì vẫn nguội lạnh. Lần thứ hai, chính ngọn lửa soi sáng cho Mị thấy được *“dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má A Phủ.”* Ta còn nhớ về giọt nước mắt trong truyện Nam Cao giai đoạn trước Cách mạng: đó là những giọt nước mắt gắn liền với số phận đầy bi kịch bị thử thách khốc liệt bởi cái đói, cái nghèo nhưng vẫn cố giữ lấy nhân phẩm, nhân cách trong sạch, cao đẹp. Nhìn đời bằng đôi mắt nhân đạo, Nam Cao quan niệm giọt nước mắt là biểu hiện của tính người, là tiêu chuẩn để xác định giá trị con người, phân biệt con người và con vật. Nước mắt được nhà văn sử dụng như một phương tiện để nhân vật bộc lộ mình, nỗ lực vươn lên. Quan trọng hơn, nước mắt được nhà văn xem là một tín hiệu nghệ thuật để “biến hình vũ trụ”, từ bề ngoài tưởng chừng như xấu xa để đi vào khám phá bản chất lương thiện. Giọt nước mắt của A Phủ khi bị trói trong đêm đông ở nhà thống lí Pá Tra cũng là giọt nước mắt của một số phận bi kịch. Tuy nhiên nó không mang ý nghĩa như những trang sách đầm nước mắt hoàn lương của Nam Cao, giọt nước mắt A Phủ có những ý nghĩa đặc biệt riêng. Vương Trí Nhàn từng khẳng định: “Khi vào truyện, một cái xà tích của một cô gái, một chút ánh trăng thượng tuần đều phải có ý nghĩa. Cái này nương tựa cái kia, chi tiết này soi rọi chi tiết khác”. Những chi tiết, hình tượng khi được tác giả đưa vào trang viết của mình đều có mang theo những dụng ý nhất định của nhà văn. Giọt nước mắt A Phủ trước hết thể hiện một nỗi đau đến tột cùng đau đớn không chỉ bởi sự thít chặt của những sợi dây mây mà có lẽ còn là sự đáng thương A Phủ đang nghĩ tới số phận của mình. A Phủ khóc, nhưng đó không hẳn là sự khóc của cam chịu. Giọt nước mắt ấy là của con người nghĩa khí và quật cường, lấp lánh lên những hy vọng được sống khát khao được sống. Và quan trọng hơn, giọt nước mắt *“lấp lánh bò xuống hõm má đã xám đen lại”* của A Phủ đã đánh thức tâm hồn Mị. Nó đã làm tràn cốc nước tích sầu tụ cục trong Mị, đồng thời đưa cô từ cõi quên trở về cõi nhớ: người con gái ấy nhớ đến mình cũng đã từng bị trói đứng nhiều lần khóc nước mắt *“chảy xuống miệng, xuống cổ không biết lau đi được”*. Có lẽ tâm hồn của Mị sẽ mãi là tảng băng lạnh lùng vô cảm nếu như không bắt gặp giọt nước mắt của A Phủ. Hãy làm một phép thử: thay chi tiết giọt nước mắt bằng một lời cầu xin, một nụ cười chua chát... liệu Mị có rung động tận sâu xa cõi nhớ của mình không? Nước mắt có lẽ đã gọi nước mắt, đã kết nối hai tâm hồn đồng điệu giữa họ. Sự đồng cảm giữa họ là chính sự tương thân giữa những con người có cùng số phận. Nhớ đến những chuyện ngày trước, trở về với hiện tại, Mị đau khổ cay đắng cho thân phận của mình: *“Ta là thân đàn bà chúng nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết chờ ngày rũ xương ở đây thôi”*. Nghĩ về mình, Mị lại nghĩ đến A Phủ *“người kia việc gì phải chết thế. A Phủ... Mị phảng phất nghĩ như vậy.”* Tình thương trở về. Tình thương ấy dần dấy nhận thức của Mị về thực tại tàn khốc, về thân phận bé nhỏ, đáng thương của con người. Câu chuyện về người đàn bà bị trói đến chết lại lần về trong tâm trí Mị. Lòng căm phẫn bấy lâu bùng cháy: *“Chúng nó thật độc ác”*. Mị nhận ra thực tại phi lí bất công về người đàn ông mang trong mình một tương lai tươi sáng như thế mà lại phải chết. Sau bao nhiêu năm tháng sống trong sự thờ ơ vô cảm, đây là ý nghĩ đầu tiên Mị dành cho người khác, bất bình cho người khác: *“có chừng này chỉ đêm nay thôi là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Người kia việc gì mà phải chết như thế.”* Những từ *“chết”* xuất hiện liên tiếp trong tâm trí Mị chính là biểu hiện rõ nhất của niềm ham sống một lần nữa trở lại với Mị, trở lại với sự kinh hoàng về cái chết, với nỗi phẫn uất về cái chết của những con người hiền lành lương thiện, những con người cùng cảnh ngộ. Và cuối cùng tình người cùng những nhận thức về sự tàn ác của bọn giai cấp thống trị đã trở thành động lực để Mị dũng cảm: *“Mị rút*

con dao găm cắt lúa, cắt nút dây mây” giải cứu cho A Phủ. Mị có nghĩ đến cảnh mình sẽ bị trói đứng thay vào đó nhưng lại không hề run sợ: *“lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị đã cỏi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...”* Hành động của Mị chính là chiến thắng của tình thương của lẽ phải. Những suy nghĩ, hành động và nhận thức của Mị nối tiếp nhau để từ đó cho chúng ta cảm nhận được về những giá trị tốt đẹp trong cuộc đời, cho thấy bản lĩnh và niềm yêu thương tha thiết. Có lẽ vì vậy văn chương đã, đang và sẽ luôn “thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lý tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người.” (Solokhov)

A Phủ được giải thoát nhưng bóng đen vẫn vây lấy Mị trong những sự đe dọa dành cho khát vọng sống mãnh liệt đang nhen nhóm trong Mị. Sự *“hốt hoảng”* của Mị là vì Mị thương mình, thương cho tương lai lại bị đày ải trong căn nhà, lại tiếp tục chôn thân cho đến chết trong sự tàn độc của nhà thống lý Pá Tra. Mị bây giờ không còn trơ lì trong nỗi đau nữa và nỗi hốt hoảng ấy là nỗi sợ của người có niềm khát khao sống mãnh liệt mà chẳng ai có thể dập tắt nổi. Mị cất tiếng nói với A Phủ *“Đi ngay”*, lần đầu tiên từ khi về làm dâu gạt nợ Mị mới cất tiếng nói. Từ một người đàn bà câm lặng, quên đi ngôn ngữ giao tiếp của con người, chỉ như một công cụ lao động biết nói mà không thể nói, Mị đã cất tiếng nói tròn trịa, rõ nghĩa sau bao năm câm nín. Rồi bỗng nhiên *“Mị đứng lặng trong bóng tối.”*, phút lặng yên của Mị là phút lặng yên của một con người trước bão tố cuộc đời, phút lặng yên của một con người đang chuyển mình để trở thành một con người tự do. Đó là cái khoảng trống không lời nhưng thực chất lại nói được nhiều nhất. Trong cái dáng đứng lặng im ấy, ta có thể cảm nhận được những đấu tranh tâm lý của nhân vật, có thể cảm nhận được sự đấu tranh giữa một bên là tiếng gọi của cuộc sống tự do, một bên lại là nỗi sợ thần quyền, cường quyền vây bủa. Mị chẳng kịp nghĩ gì, chỉ kịp dừng lại, rồi chạy tiếp. Những câu văn ngắn cùng những động từ miêu tả hành động gấp gáp, mạnh mẽ: *“Rồi Mị vụt chạy ra”, “Mị vẫn băng đi”, “Mị đuổi kịp A Phủ”, “Mị nói, Mị thở”,...* khiến đoạn văn không còn là những dòng độc thoại nội tâm. Hành động của Mị dường như còn nhanh hơn lí trí, nó chịu sự chi phối của khát vọng mãnh liệt được sống vừa đột ngột thức dậy. Nếu tiếng nói đầu tiên giải thoát cho người thì tiếng nói thứ hai Mị giải thoát cho chính mình: *“A Phủ cho tôi đi...”* người đàn bà hơn một lần muốn chết ấy nay khẩn thiết mong được sống, được theo A Phủ bởi nỗi kinh hoàng trước cái chết: *“Ở đây thì chết mất”*. Nếu bóng tối của đêm tình mùa xuân đã chôn vùi những nỗi khổ đau của Mị vào sự câm lặng thì bóng tối ấy lại trở về trong đêm đông để mở ra con đường giúp mình trở về cuộc sống của một con người tự do. Mị chạy theo A Phủ chính là hành động chạy theo tiếng gọi mãnh liệt của khát vọng sống. Bởi Mị biết nếu Mị ở lại, Mị sẽ bị trói thay vào chỗ của A Phủ. Bởi Mị biết, nếu Mị không tự giải thoát, Mị sẽ chết ở đây một cách vô nghĩa. Như vậy khát vọng sống đã giúp Mị chiến thắng nỗi sợ hãi của cái chết và tạo cho mình một con đường thoát khỏi sự ràng buộc, giành lại một cuộc sống xứng đáng hơn. Khát vọng sống của Mị trong đêm mùa đông đã hồi sinh vẹn toàn cô Mị năm xưa trong dáng hình cô Mị hôm nay. Chị Dậu của Ngô Tất Tố và Mị của Tô Hoài đều chạy ra ngoài đêm tối với cùng một mục đích là để thoát khỏi kiếp sống khốn cùng, nhục nhã. Nhưng nếu như chị Dậu một mình chạy ra ngoài trời khuya và không biết sẽ đi về đâu, tương lai mịt mờ như bóng đêm, thoát khỏi chốn tăm tối này rồi nhưng rất có thể chị lại rơi vào một chốn đau khổ khác, thì Mị, dù cũng chưa biết mình sẽ đi đâu nhưng cùng A Phủ, Mị biết rằng phải rời khỏi chốn này trước hết, thoát khỏi chốn này là thoát khỏi địa ngục trần gian, ra khỏi chốn này là sẽ tìm được cho mình đường sống. Đó là sự khác biệt trong cách xử lí của hai nhà văn: một nhà văn chưa nhìn thấy ánh sáng cách mạng, một nhà văn đã được chứng kiến sức mạnh đổi thay số phận con người của cách mạng. Từ đó ta càng hiểu thêm sự tác động lớn lao của hoàn cảnh, của hiện thực đối với người cầm bút, và càng thấm thía hơn: văn chính là đời.

C. Đánh giá

Luận điểm 1: nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật

Nhà văn là người sáng tạo ra văn bản, thực hiện quá trình kí mã ý đồ nghệ thuật. Nhưng không phải ai sáng tạo ra văn bản cũng có thể trở thành một nhà văn chân chính. Anh ta phải có tài năng, có tấm lòng cũng như có khả năng nhìn nhận nội tâm của con người dưới nhiều góc độ khác nhau, để khám phá ra những nét mới lạ. Hiểu được điều ấy, Tô Hoài thực sự đã nhập thân vào nhân vật, sống cùng nhân vật, đồng cảm với từng niềm vui, nỗi buồn của nhân vật. Cách miêu tả tâm lí nhân vật của Tô Hoài vô cùng chân thực, tinh tế gắn bó chặt chẽ với tình huống truyện. Mị thực sự sống trong những trạng thái tâm lí phức tạp, với những vận động biện chứng để hoàn chỉnh diện mạo tâm trạng của nhân vật. Bên cạnh đó, Tô Hoài còn khéo léo sử dụng thủ pháp tương phản để cùng một lúc đồng hiện hai cuộc sống trong cùng một con người: Cuộc sống bên ngoài của Mị dường như vô cảm và vô thức; cuộc sống bên trong được thể hiện bằng những dòng độc thoại nội tâm, những ý thức, hành động thể hiện khát vọng sống mãnh liệt đang dần hồi sinh. Không chỉ vậy, Tô Hoài đã đặt điểm nhìn vô cùng linh hoạt, di chuyển từ khách quan sang chủ quan, đọng lại chủ yếu ở dòng độc thoại làm nổi bật tâm trạng nhân vật. Đọc văn Tô Hoài, ta tưởng như được hòa mình vào một thế giới ngôn từ giàu chất thơ, lời văn giàu sức biểu cảm. Những lời hát du dương đậm chất vùng cao kết hợp cùng những câu văn ngắn, nhịp điệu dồn dập tựa một khúc ca về khát vọng sống và hạnh phúc đang ngân vang trong nhân vật Mị. Cuối cùng, Tô Hoài sử dụng hàng loạt chi tiết đắt giá được xây dựng công phu: tiếng sáo, nắm lá ngón, ngọn đèn, dòng nước mắt của A Phủ... Tất cả điều ấy đã giúp Tô Hoài thoát thai một thiên truyện chiến thắng cả sự bào mòn của thời gian!

Luận điểm 2: giá trị hiện thực

1. Khái niệm

Giá trị hiện thực của tác phẩm văn học là toàn bộ hiện thực được nhà văn phản ánh trong tác phẩm văn học, tùy vào ý đồ sáng tạo mà hiện tượng đó có thể đồng nhất với thực tại cuộc sống hoặc có sự khúc xạ ở những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, hầu hết hiện thực trong các tác phẩm văn chương đều là hiện thực được hư cấu. Nó có ý nghĩa phản ánh hiện thực của một thời kỳ trên nhiều góc diện khác nhau hơn là các hiện thực cụ thể.

2. Các nét chính

- Phản ánh trung thực đời sống xã hội lịch sử.
- Khắc họa trung thực đời sống và nội tâm của con người.
- Giá trị hiện thực có sức mạnh tố cáo (hay ca ngợi) xã hội, chế độ.

3. Đặc điểm

a. Đặc điểm thứ nhất: làm rõ các hiện thực được nhà văn đưa vào trong tác phẩm. Nói cách khác, tác phẩm đó phản ánh hiện thực gì? trong giai đoạn nào? Hiện thực đó được thể hiện qua những nét tiêu biểu nào? Ý nghĩa của việc phản ánh hiện thực ấy là gì?

b. Đặc điểm thứ hai: Con người điển hình. Đây là nét đặc trưng của tác phẩm hiện thực. Lễ đương nhiên gắn với mỗi thời kỳ, mỗi xã hội nhất định, bao giờ cũng có mẫu người đại diện cho toàn xã hội. Mẫu người ấy được nhà văn khái quát và xây dựng lại thành cách hình tượng điển hình trong tác phẩm của mình. Do vậy, muốn làm rõ giá trị nhân đạo của một tác phẩm nào đó, cần phân tích được hình tượng nhân vật điển hình trên các phương diện: khắc họa ngoại hình, tính cách, hành động, lời nói,.... nhân vật đó đại diện cho tầng lớp, giai cấp hay lớp người nào trong xã hội? Nó có thể hiện tiếng nói chung cho lớp người

nào không? Bằng việc xây dựng hình tượng nhân vật điển hình trong tác phẩm, tác giả mong muốn đạt được điều gì? Hay nhân vật điển hình giúp tác giả thể hiện hiện thực được phản ánh như thế nào?

4. Biểu hiện trong tác phẩm

Tác phẩm tố cáo chế độ phong kiến, chúa đất đã bóc lột con người dưới hình thức cho vay nặng lãi, buộc người lao động nghèo khổ vào vòng nô lệ; tố cáo sự chà đạp lên tình yêu, hạnh phúc và phẩm giá con người, gán con người vào vòng mê tín thần quyền làm cho họ phải bất lực, cam chịu.

Không chỉ dừng ở chỗ tố cáo sự áp bức, bóc lột mà sâu hơn, Tô Hoài còn nói lên sự thực có tính quy luật: con người bị áp bức cứ nhẫn nhục chịu đựng kéo dài đến lúc nào đó thì dường như bị tê liệt tinh thần phản kháng và mặt khác, đến lúc nào đó, khi sự ý thức về quyền sống trỗi dậy, thì sức sống tiềm tàng cũng mạnh mẽ, kỳ diệu.

Tác phẩm còn miêu tả một cách cô đọng nhưng sinh động quá trình trưởng thành, vấn đề khát vọng tự do, hạnh phúc của nhân dân miền núi và con đường giải phóng của họ. Bức tranh thiên nhiên và những phong tục, tập quán được nhà văn tái hiện chân thật; ngôn ngữ giàu chất tạo hình...

Luận điểm 3: Giá trị nhân đạo

1. Khái niệm

Giá trị nhân đạo là một trong các giá trị cơ bản của tác phẩm văn học được tạo nên bởi niềm cảm thông sâu sắc của nhà văn với nỗi đau của những con người, những cảnh đời bất hạnh trong cuộc sống. Đồng thời, nhà văn còn thể hiện sự nâng niu, trân trọng những nét đẹp trong tâm hồn và niềm tin khả năng vươn dậy của con người dù trong hoàn cảnh nào.

2. Biểu hiện (Trích bài viết của thầy Phan Danh Hiếu)

a. Tố cáo xã hội: đây chính là cái hoàn cảnh chung mà ở đó nhân vật bị đẩy vào các hoàn cảnh bi đát, đau khổ. Thông thường ở phương diện tố cáo, các nhà văn thường thể hiện quan điểm lên án, phê phán với các tầng lớp thống trị, những kẻ ăn trên ngồi trốc, ý mạnh hiếp yếu, chà đạp cuộc sống con người và làm băng hoại các giá trị đạo lý.

Tác phẩm “Vợ chồng A Phủ” đã toát lên từ sự tố cáo gay gắt thế lực phong kiến miền núi tàn bạo đã chà đạp lên quyền sống của nhân dân lao động Tây Bắc mà tiêu biểu là Mị và A Phủ. Chúng đã lợi dụng chính sách cho vay nặng lãi để nô lệ hóa con người mà Mị và A Phủ chính là nạn nhân của chúng. Mị và A Phủ từ là những đứa ban rừng mơn mớn, yêu tự do, giàu tài năng nhưng vì món nợ mà họ đã trở thành những kẻ nô lệ suốt đời bị đối xử như con vật. Nợ là sợi dây trói buộc thể xác của Mị và A Phủ vào nhà thống lý nhưng thần quyền mới là sợi dây trói oan nghiệt nhất đã trói buộc tinh thần Mị và A Phủ vào nhà thống lý. Họ đã bị thần quyền làm cho tê liệt về ý thức phản kháng, trở thành những con người cam chịu kiếp sống trâu ngựa. Không chỉ vậy, chúng còn dùng cường quyền, hủ tục và những thủ đoạn bóc lột tàn nhẫn để thỏa mãn sự độc ác. Mị bị bóc lột lao động tàn tệ chỉ biết cúi đầu vào công việc cả đêm cả ngày “suốt năm, suốt đời như thế”. Bị A Sử trói đứng vào cột trong đêm tình mùa xuân chỉ vì Mị muốn đi chơi. A Phủ thì quanh năm chỉ rong ruổi ngoài bìa rừng chăn bò chăn ngựa đến nỗi quên cả việc về thăm làng cũ. Bị trói đứng vào cột chờ chết, thế mạng mình cho mạng của con bò. Qua những số phận ấy, ngòi bút Tô Hoài đã vạch trần bộ mặt tàn bạo của cha con nhà thống lý. Mang đến cho người đọc “tập hồ sơ tội ác” về tội ác tày trời của giai cấp chủ nô phong kiến miền núi ở Tây Bắc trước khi có cách mạng về.

b. Ca ngợi: có thể ca ngợi một truyền thống tốt đẹp nào đó hoặc ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của một con người hoặc một lớp người trong xã hội. Đây chính là những vẻ đẹp bị lấp vùi bởi sự thống trị, đàn áp.

Trong tác phẩm “Vợ chồng A Phủ”, nhà văn phát hiện và nâng niu trân trọng trước những vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất cao đẹp của nhân vật Mị và A Phủ.

Trước hết, nhà văn phát hiện và nâng niu trân trọng trước vẻ đẹp của nhân vật Mị. Mị là cô gái trẻ đẹp, giàu tài năng “Mị thổi sáo hay, thổi lá cũng hay như thổi sáo”. Có tấm lòng hiếu thảo với cha già. Khi bị bắt về làm dâu gạt nợ nhà thống lý, dù cuộc sống nhiều khổ cực, khổ như trâu ngựa nhưng trong Mị luôn ẩn chứa sức sống tiềm tàng mãnh liệt, sức phản kháng mạnh mẽ. Tất cả đã được ngòi bút Tô Hoài trân trọng, nâng niu qua từng phát hiện.

Trong đêm tình mùa xuân, sức sống ấy như ngọn lửa bùng cháy dữ dội. Khi nghe tiếng sáo vọng lại “thiết tha bồi hồi”, Mị đã sống lại những phút giây tuổi trẻ ngày nào. Đó là lúc tài năng âm nhạc trong Mị được đánh thức “Mị ngồi nhắm thăm lời người đang thổi sáo”. Hành động ấy nói lên bao điều. Bấy lâu nay, cô Mị câm lặng, vô cảm, ấy thế mà hôm nay bỗng được sống dậy. Bài hát cũ lâu rồi không hát, điệu sáo ấy lâu rồi không thổi nhưng Mị vẫn nhớ, Mị không quên nghĩa là sức sống trong Mị chưa nguôi tắt mà vẫn âm ỉ như hòn than trong lớp tro tàn.

Cũng trong đêm tình ấy, ngòi bút Tô Hoài còn chứng kiến được hình ảnh một cô Mị nổi loạn cùng men rượu cay đêm tình. Rượu đã đưa Mị từ cõi quên về với cõi nhớ, rượu và tiếng sáo ngất ngây gọi bạn tình đã làm Mị nhận ra “Mị trẻ lắm. Mẹ còn trẻ. Mị muốn đi chơi”. Khát vọng ấy, là khát vọng của con người yêu tự do, khát vọng tự do mãnh liệt. Và hành động “Mị cuốn lại tóc. Mị với tay lấy chiếc váy hoa vắt ở phía trong vách... Mị rút thêm cái áo” đã cho thấy sự bứt phá của Mị với bản năng sống mãnh liệt bất chấp cả cường quyền, thần quyền. Ngay cả khi bị A Sử trói đứng vào cột “tóc Mị xổ xuống hẳn cuốn luôn tóc Mị lên cột làm cho Mị không cúi không nghiêng được đầu nữa”. Nhưng Mị vẫn thản nhiên, Mị không hề biết mình đang bị trói, thậm chí khi tiếng sáo nhập vào hồn Mị, Mị đã “vùng bước đi”. Điều đó cho thấy, sức sống tinh thần trong Mị đã lớn dậy, nó đã lấn át cả nỗi đau về thể xác. Cũng có nghĩa là bóng ma thần quyền, cường quyền đã khuất phục trước sức sống ấy của Mị.

Sức sống mãnh liệt ấy lại một lần trỗi dậy trong đêm cứu A Phủ. Lúc đầu, Mị đứng dưng vô cảm trước cái chết cận kề của A Phủ. Nhưng sau đó, dòng nước mắt của A Phủ “bò xuống hai hõm má đã xám đen lại” đã thức dậy lòng thương người trong Mị. Lòng thương người ấy đã làm sống dậy trong Mị sức phản kháng mạnh mẽ. Nếu nói đêm tình mùa xuân là “tia lửa nhỏ” thì đêm cứu A Phủ là “đám cháy lớn”. Đám cháy ấy bùng lên khi Mị nhận thức được tội ác cha con nhà thống lý “Trời ơi chúng trói người ta đến chết thì thôi, chúng nó trói chết người đàn bà ngày trước cũng ở trong cái nhà này. Chúng nó thật độc ác”. Nhận thức ấy là nhận thức hoàn toàn bằng lí trí, bằng sự tỉnh táo. Từ nhận thức ấy mà sự nổi loạn thứ hai của Mị mới thật là mong muốn của người đọc. Mị đã cắt đứt dây trói cho A Phủ. Rồi Mị cũng vụt chạy theo A Phủ vì theo Mị “Ở đây thì chết mất”. Hơn một lần trong truyện này Mị sợ chết. Lần đầu là thức dậy sau đêm bị trói nghĩ đến người đàn bà đời trước bị trói đến chết trong căn nhà này “Mị sợ quá. Mị cựa quậy xem mình còn sống hay là đã chết”. Lần thứ hai là lúc Mị cắt đứt xong dây trói cho A Phủ. Như vậy, sợ chết là biểu hiện cao độ nhất của lòng ham sống. Đó là vẻ đẹp sức sống tiềm tàng của con người lao động Tây Bắc và niềm tin của nhà văn vào khả năng vươn dậy của nhân vật.

c. Thương cảm, bênh vực: xuất phát từ việc phát hiện, khám phá được những nét đẹp ẩn tàng của nhân vật, hoặc nhận thức được hoàn cảnh đã đẩy những người tốt đẹp, lương

thiện vào đường cùng, hoặc đẩy họ vào con đường tội lỗi nên các nhà văn bày tỏ niềm thương cảm với họ, tạo ra những tình huống, hoặc xây dựng những nhân vật phụ để làm chỗ dựa, bênh vực, che chở cho họ, giúp họ vượt qua những khó khăn, thách thức và vươn lên khẳng định bản thân, khẳng định niềm tin, ước mơ và khát vọng trong cuộc sống.

Niềm cảm thông sâu sắc của Tô Hoài đối với những số phận bất hạnh, bị tước đoạt quyền sống, bị lăng nhục, đày đoạ mà tiêu biểu là Mị và A Phủ. Hai sự sống trẻ trung bị đày đoạ khủng khiếp trong tù ngục nhà thống lí Pá Tra đang bị chết dần, chết mòn vì khổ đau. Mị – cô gái trẻ đẹp, mơn mớn như bông hoa rừng nhưng bị bắt cóc về làm con dâu gạt nợ nhà thống lí. Dưới mấy tầng áp bức của cường quyền, thần quyền, lễ giáo, hủ tục phong kiến miền núi. Mị sống âm thầm vật vờ như chiếc bóng, cứ “lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa”. Khi thì tưởng “mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa”. Bởi Mị sống mà hầu như mọi quyền lợi bị tước đoạt. Mang tiếng là con dâu nhưng Mị lại là con dâu gạt nợ. Là con nợ hơn là con dâu. Là con nợ nên Mị thành nô lệ để “Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa năm thì giặt đay, xe đay. Cuối mùa thì đi nương bẻ bắp...lúc nào cũng cài một bó đay ở trong tay để tước thành sợi. Suốt năm, suốt đời như thế”. Bị bóc lột sức lao động đã đành, Mị lại còn bị tước đoạt tuổi xuân, hạnh phúc, bị thần quyền áp chế. Nơi Mị sống chỉ độc “một ô cửa sổ, một lỗ vuông bằng bàn tay trông ra ngoài không biết sương hay là nắng”. Đó là chốn địa ngục trần gian mà tên chồng A Sử đã trói buộc Mị vào đó, vùi dập tuổi xuân của Mị ở đó.

A Phủ, một chàng trai khỏe mạnh, gan bướng, sống cuộc sống hồn nhiên, phóng khoáng của tuổi trẻ yêu đời, lao động giỏi. A Phủ không nợ nần gì nhà thống lí mà rốt cục cũng biến thành kẻ trừ nợ suốt đời bị đánh đập, bị trói buộc một cách thảm khốc đến mức gần như tê liệt cả sức phản kháng. Cảnh xử kiện tàn bạo như thời trung cổ được Tô Hoài vẽ nên bằng một trang giấy mà ở đó sự tàn nhẫn, độc ác đã lên ngôi. A Phủ bị đánh đập gần như cả ngày: “đầu, đuôi mắt giọt chảy máu” nhưng “chỉ quỳ và im như cái tượng đá”. Đến cả cái cảnh vì để hổ bắt mất một con bò, A Phủ phải bị trói đứng lên cái cột với dây mây quấn từ chân lên đến cổ. Phải chờ chết một cách vô lý trên cái cọc ấy giữa đêm đông rét mướt nếu không có bàn tay cứu giúp của Mị và tấm lòng nhân đạo cao cả của nhà văn.

d. Chỉ ra con đường, lối thoát cho nhân vật: đặc điểm này không hoàn toàn có trong tất cả các tác phẩm. Nó phụ thuộc vào nhận thức và khả năng dự đoán trước hiện thực của nhà văn, nhờ đó nhà văn chỉ ra được con đường giải quyết những bế tắc của số phận nhân vật, hoặc tạo ra những chi tiết viễn tưởng, kỳ ảo như một lối thoát cho nhân vật khi mà mọi nẻo đường ở thực tại hay ở chốn nhân gian đều không có khả năng thay đổi được hoàn cảnh.

Trong tác phẩm “Vợ chồng A Phủ”, nhà văn đã chỉ ra con đường giải phóng thực sự của người lao động là đi từ tự phát đến tự giác. Mị và A Phủ từ tăm tối đau thương đã vươn lên ánh sáng của tự do và nhân phẩm. Họ đã cùng nhau đạp qua đêm tối, vươn đến ngày mai ở Phiềng Sa, nên vợ nên chồng. Cả hai người đã theo Cách mạng, theo Đảng, đánh giặc, bảo vệ quê hương và thay đổi số phận của mình. Cũng qua đó, tác giả đã bày tỏ thái độ bênh vực quyền sống của con người và là bài ca ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người lao động, đặc biệt là sức sống tiềm tàng và hành động tự giải phóng của nhân vật, đồng thời đặt niềm tin và sự trân trọng, nâng niu đối với khát vọng sống tốt đẹp của con người dù bị đày đoạ đau khổ.

PHẦN ĐỌC THÊM

Luận về không gian nghệ thuật trong truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”

TS. Đỗ Thị Thu Huyền

“Vợ chồng A Phủ” là một khúc bi ca về số phận con người trong xã hội cũ. Hình tượng nhân vật đau khổ nhất nhưng cũng đẹp nhất là những con người đi từ bóng tối đến ánh sáng tìm hạnh phúc cho mình. Trong “Vợ chồng A Phủ”, tác giả không chỉ miêu tả thành công những diễn biến tâm lí nhân vật, bên cạnh đó, ý đồ tạo dựng không gian nghệ thuật mang tính biểu tượng đóng góp không nhỏ trong việc thể hiện tình cảm, thái độ và quan niệm của Tô Hoài về cuộc sống.

GS. Trần Đình Sử khẳng định “Không có hình tượng nghệ thuật nào không có không gian, không có một nhân vật nào không có một nền cảnh nào đó”, bởi thế, Tô Hoài xây dựng một ngoại cảnh đầy dụng ý nghệ thuật để đặt các nhân vật vào trong đó đã giúp tác phẩm của ông có thêm những ý nghĩa phong phú và sâu sắc:

1. Những không gian đối nghịch

Trong “Vợ chồng A Phủ”, những không gian đối nghịch được tạo dựng xuyên suốt tác phẩm, khi trực tiếp, khi gián tiếp. Nó không đơn thuần là sự xác định nơi chốn, bối cảnh bao chứa nhân vật mà từ những khung cảnh hiện thực ấy, trở thành những kí hiệu đặc biệt bộc lộ tâm trạng, số phận và cả những lựa chọn đầy đau đớn của hai nhân vật chính Mị và A Phủ.

Ở hướng thứ nhất khi xây dựng những không gian đối nghịch, Tô Hoài chủ yếu hướng vào hai nhân vật chính của truyện, bởi thế, không gian ở đây mang tính cá nhân nhưng cũng không vì thế mà giảm đi ý nghĩa khái quát của tác phẩm. Số phận của Mị và A Phủ khi còn ở Hồng Ngài là số phận đau khổ của những con người chịu cảnh nô lệ, áp bức. Những phác họa đầu tiên về Mị là sự miêu tả thân phận, vẻ mặt buồn rười rượi lúc nào cũng cúi. Từ đó lí giải ngày một tường minh hơn, ngày một xót xa và đỉnh điểm của những nỗi đau ấy chính là việc tác giả xây dựng một biểu tượng lỗ vuông trong không gian sống của Mị. Thế giới trong này là tù ngục và thế giới ngoài kia là tự do.

Cũng tương tự như mô hình “Nhà tù hình tròn” (The Panopticon) Foucault (dẫn lại ý tưởng của Jeremy Bentham), cho rằng không gian được kiến tạo như một kí hiệu của quyền lực, nó phân định, sắp đặt và áp chế lên chính con người. Ở trong không gian đó, Mị ngồi trông ra chỉ thấy mờ mờ, trắng trắng, không biết là sương hay là nắng. Con người đã ở vào thế cô độc đến rệu rã tinh thần. Mị không biết khổ vì bị cái đau khổ làm mất hết cảm nhận khi kéo dài quá lâu sự chịu đựng. Từ một người con gái hiếu thảo không dám tự tử vì sợ gánh nặng nợ dằn dòn lên vai người cha, Mị trở thành một con người vô cảm trước nỗi bất hạnh của đời người. Sức tố cáo của tác phẩm vì thế mạnh mẽ hơn bao giờ hết bởi từ nỗi đau đến cùng cực mà con người bị tiêu diệt luôn cả khát vọng sống dù chính đáng.

Cũng là sự đối nghịch không gian, một lỗ vuông nhỏ giúp người đọc thấy hết được sự tù ngục về cả tinh thần lẫn thể xác của Mị thì hình ảnh xó nhà là ẩn tượng mạnh đầu tiên khi khắc họa nhân vật A Phủ.

Cuộc xử kiện lạ lùng mà nhân vật chính quỳ ở xó nhà chứng kiến mấy chục tên chức việc tham gia bữa tiệc thuốc phiện thâu đêm suốt sáng tại nhà thống lí Pá Tra. Nếu như Mị

không có ý định phản kháng bởi đã chai sạn trong tâm hồn, ý thức thì A Phủ cũng không có được cái quyền tự bào chữa cho mình. Anh im như tượng đá khi chứng kiến tất thảy, kể cả sau này khi tự tay đóng cọc trói mình vì lỡ để hổ ăn thịt con bò nhà Thống lí.

2. Những không gian tương hỗ

Khi xây dựng tâm lí, số phận nhân vật, Tô Hoài đặt họ vào những không gian nhỏ hẹp, lỗ vuông, xó nhà...từ đó làm nổi bật lên sự đối nghịch của cuộc sống tù đầy nô lệ với những khát khao thầm kín về tự do. Ở hướng thứ hai, tác giả tạo dựng những không gian tương hỗ nhau về cả hình thức biểu đạt lẫn ý nghĩa truyền tải.

Xuất hiện từ đầu tới cuối tác phẩm là những không gian rộng lớn gắn với lao động con người: Mị lên núi hái thuốc phiện, đi nương bẻ bắp; A Phủ dẫn bò ngựa đi nương ăn, ngủ lại ở trong rừng; những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, Mị thường ra thổi lửa hơ tay...

Tất cả những không gian ấy đều gắn với sự khó nhọc, vất vả như trâu ngựa của số phận con người. Con người nhỏ bé và đơn độc trong cái tập hợp rộng lớn xung quanh. Sự khoáng đạt của không gian không làm cho con người hòa mình vào đó mà lại càng chia tách, nhấn mạnh sự lầm lũi, khổ đau. Đến cuối tác phẩm, sau hành trình Mị và A Phủ vừa chạy vừa lặn tới dốc núi, hai người đã vượt đến Phiềng Sa sau ròn rã hơn một tháng. ở không gian xa đó, một cuộc sống mới được tạo lập. Iu.Lốtman cho rằng, “muốn trở thành cao cả thì không gian không chỉ cần bao la (hoặc vô bờ bến) mà phải có phương hướng và con người ở trong đó cũng phải vận động về cùng một mục đích. Không gian ấy phải trở thành con đường”. Đối lập với cuộc sống tù túng giam hãm chật chội kia là một không gian bao la, không gian của cuộc sống tự do được tranh đấu.

Ở đây, những sự đối nghịch gắn với số phận cá nhân không còn nữa mà là một không gian tương hỗ với nhau để nói lên số phận chung của cả dân tộc: hành trình đi từ nô lệ đến tự do, đi từ bóng tối đến ánh sáng cũng chính là con đường mà dân tộc ta đã chọn lựa và đấu tranh có được trong suốt bao nhiêu năm. Từ đó, hạnh phúc được mở ra, dù chỉ đong là một con đường đầy hứng khởi và hi vọng.

Nếu tác phẩm văn chương là sự cảm nhận thế giới và con người, thì thời gian, không gian chính là hình thức để con người cảm nhận chúng. Mỗi tác phẩm đều có không gian của nó nhưng để tạo nên hiệu quả nghệ thuật thì không phải nhà văn nào cũng thành công. Tô Hoài với “Vợ chồng A Phủ” không chỉ gây ấn tượng mạnh trong cách xây dựng tâm lí nhân vật mà còn ở cách tạo dựng những không gian. Con người đi từ không gian của áp bức đến không gian của tự do. Tác giả đã thể hiện tinh thần nhan văn sâu sắc và thái độ quyết liệt trong hành trình đưa nhân vật của mình nhận đường, rồi tìm lại khát vọng sống, khát vọng yêu và khát vọng tự do.

Chất thơ trong truyện ngắn Vợ chồng A Phủ

Trần Thị Nhân Thanh

Chất thơ trong văn xuôi

Theo lí luận văn học Mác – xít, một tác phẩm văn học bất kỳ không nằm ngoài ba phương thức – thể loại: trữ tình, tự sự và kịch. Tác phẩm văn học nếu không là thơ thì sẽ là văn xuôi (văn xuôi nghệ thuật – phân biệt với văn xuôi chính luận và các dạng văn xuôi khác không cùng khái niệm “văn học”) hoặc kịch. Cái nhìn phân xuất của lí luận là như vậy. Nhưng trên thực tế, đã, đang và sẽ tiếp tục hình thành những tác phẩm mà ở đó có sự kết hợp, trộn lẫn, xuyên thấm giữa những yếu tố hình thức và “cái nhìn bên trong” của các thể loại khác nhau, ở những mức độ đậm nhạt nhất định, và cho ra đời những sản phẩm “là nó, nhưng đồng thời không chỉ là nó” khá đặc sắc. Ở đây, ta xét tới khía cạnh hiện tượng thâm nhập của thơ đến lãnh địa của văn xuôi, hay nói một cách cụ thể là khảo sát chất thơ trong tác phẩm văn xuôi.

Pha-đê-ép từng nói: “Văn xuôi cần phải có cánh. Đôi cánh ấy chính là thơ”. Tolstoy từng thốt lên: “Tôi không bao giờ hiểu đâu là ranh giới giữa văn xuôi và thi ca”. Paustovsky, trong “Truyện cuộc đời”, từng bộc bạch: “Tôi đã nhìn thế giới xung quanh qua tấm lăng kính trong suốt của thơ” và với ông, “văn xuôi là sợi cốt còn thơ là sợi ngang. Cuộc sống được miêu tả trong văn xuôi không đựng chất thơ sẽ trở thành thô thiển, thành một thứ chủ nghĩa tự nhiên không cánh, không thúc gọi, không dẫn dắt ta đi đâu cả”. Còn Puskin hay nhắc tới khái niệm “văn xuôi chân chính”, đó là thứ văn chương “bao giờ cũng có tiết tấu của nó”, “bao giờ cũng thấm đượm chất thơ như chất nước ngọt ngào thấm trong trái táo”. Như vậy, trong quan niệm sáng tác của các nhà văn, chất thơ không đơn giản chỉ là sự trang trí, một thứ trang sức làm lộng lẫy cho văn xuôi mà chính nó là một phẩm chất bắt buộc của văn xuôi. Bởi đó, chất thơ trở thành chiếc cầu nối mềm mại đưa văn xuôi thấm vào hồn người êm ái và dịu dàng hơn bao giờ hết.

Hiểu theo nghĩa rộng, chất thơ phải gắn với cái đẹp. Nói như giáo sư Đỗ Lai Thúy, đó có thể là cái đẹp tự nhiên “như cánh mây trắng nhơn nhơ bay trên bầu trời xanh thẳm” hay chất thơ được tạo ra từ những tình cảm, hành động của con người “như sự nhớ nhung, sự uyển chuyển của các điệu múa”... Khi nói đến chất thơ, người ta cũng thường có thói quen nghĩ ngay đến những cái gì đẹp, thơ mộng, lý tưởng và bay bổng như một phong cảnh nên thơ, một tâm hồn thơ mộng. Người ta ít nghĩ hơn đến chất thơ trong những cảnh đời lam lũ, mệt nhọc hay những cảnh tượng bề bộn, tăm tối. Quan niệm ấy tuy có phần đúng nhưng không đủ và có tính chất hẹp hòi. Trong cuộc sống, không phải mọi đối tượng, mọi cảnh ngộ và sự việc đều nên thơ như nhau nhưng cũng không thể xác định rằng có đối tượng nên thơ và đối tượng không nên thơ. Vấn đề là ở mức độ và phân lượng khác nhau, và quan trọng chính là ở sự phát hiện. Biết phát hiện ở đối tượng khách quan phần nên thơ của nó, cung cấp cho nó một hình dáng, một cách giải thích, một lý tưởng đẹp, đó chính là nhiệm vụ của văn chương nghệ thuật. Chính vì vậy, chất thơ trong nghệ thuật bao gồm sự thống nhất giữa những phẩm chất của đối tượng khách quan với cảm hứng sáng tạo chủ quan của nhà thơ. Thực tế khách quan được chọn lọc ở những mặt kết tinh tiêu biểu, ở những chi tiết và hình ảnh chân thực là tiền đề trực tiếp nhất để tạo nên chất thơ trong tác phẩm.

Chất thơ trong Vợ chồng A Phủ

Chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài hiện lên trước hết qua hình ảnh thiên nhiên vời vợi với những núi non, nương rẫy, sương giăng... không thể lẫn được với một nơi nào trên

đất nước ta. Những chi tiết miêu tả thiên nhiên đan xen, hoà quyện trong lời kể của câu chuyện. Có khi, chỉ một vài điểm nhấn, tác giả đã phác ra được cái nét rất riêng của đối tượng. Những ngày sống trong căn phòng ngột ngạt, tù túng của mình ở nhà thống lí Pá Tra, Mị nhìn ra trời qua khung cửa sổ bé bằng bàn tay, lúc nào Mị cũng “chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng”. Không gian ấy chỉ có thể tìm được ở Tây Bắc bởi núi rừng trùng điệp. Ban ngày, ánh mặt trời cũng khó có thể xua tan những màn sương giăng trắng làng bản. Đêm xuống, sương đêm hoà với ánh trăng tạo nên thứ không gian huyền ảo như trong ảo mộng. Đặc biệt, nhà văn đã có những câu văn thật hay nêu bật được hình ảnh đặc trưng về thiên nhiên Tây Bắc những ngày giáp Tết: “Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho”, “trẻ con đốt những lều canh nương”, “gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, những chiếc váy hoa đã đem phơi trên những móm đá xoè như con bướm sặc sỡ, gió và rét rất dữ dội”. Những câu văn mang đầy “ý thơ” đã lột tả được hồn cốt thiên nhiên Tây Bắc với núi rừng trùng điệp, cao rộng vợi vợi. Điểm vào cái nền thiên nhiên xanh mướt ấy là những dấu ấn của con người: những nương lúa, nương ngô uốn lượn trên sườn đồi sườn núi; những đồng lửa bốc lên từ các lều canh nương; những đám cỏ gianh vàng ửng; những chiếc váy hoa xoè rực rỡ nhiều màu sắc của những cô gái H’mông là điểm nhấn đầy thi vị cho bức tranh thiên nhiên ấy.

Chất thơ còn được nhận ra bởi đời sống sinh hoạt, phong tục tập quán của con người nơi đây. Đọc truyện, ta rất dễ bắt gặp những hình ảnh thường xuyên xuất hiện trong đời sống hằng ngày của đồng bào Tây Bắc. Đó là ngôi nhà gỗ với bếp lửa đặt trong nhà suốt mùa đông không tắt hòn than, là những công việc hằng ngày như cõng nước, cắt cỏ cho ngựa ăn, quay sợi,... Trang phục đặc trưng của người phụ nữ H’mông vùng cao này là váy xoè sặc sỡ đi kèm với những chiếc vòng bạc lấp lánh.

Truyện cũng miêu tả rất tinh tế một phong tục rất đẹp, rất thơ của đồng bào vùng cao là lễ hội mùa xuân. Tết của người vùng cao không giống tết ở miền xuôi. Người vùng cao có cách tính ngày Tết rất độc đáo thể hiện thuần túy tư duy nông nghiệp. Họ ăn tết khi ngô lúa đã gặt xong, mùa xuân có niềm vui thu hoạch mùa màng. Và dù cái Tết năm ấy đến Hồng Ngài “giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội” cũng không ngăn được niềm vui đang trỗi dậy trong tâm hồn những người dân ở đây, đặc biệt là ở những đôi trai gái yêu nhau. Không khí ngày xuân của Hồng Ngài mang những dấu ấn đặc trưng đậm hương vị núi rừng Tây Bắc: Mùa xuân đến, trai gái tìm đến nhau để tỏ tình. Họ bận những bộ quần áo đẹp nhất. Họ chơi ném còn, chơi quay, thổi sáo, đàn môi, uống rượu,... Tất cả đều mê mải, say sưa trong tiếng sáo diều dặt, tình tứ.

Tô Hoài đã đặc tả không khí ngày tết với những từ ngữ giàu chất tạo hình, qua đó hiện lên bức tranh ngày tết miền núi tràn ngập màu sắc và âm thanh: “Trong các làng Mèo Đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên những móm đá xòe như con bướm sặc sỡ [...] Đám trẻ đợi tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà”. Ông cũng đặc biệt chú trọng đến phong tục của họ qua con mắt tò mò, hóm hỉnh của mình: “Trai gái kéo nhau lên núi chơi. Đi chơi trên núi từng đoàn”, “Các chị Mèo đỏ, váy thêu, áo khoác, khăn hoa chùm rực rỡ. Các chị Mèo trắng chít khăn xếp phẳng lì, tóc mai cạo xanh nhẵn”.

Khi viết về những ngày tết ở Hồng Ngài, nhà văn Tô Hoài cũng rất chú ý miêu tả tiếng sáo. Sáo H’mông có khả năng diễn tả ngôn ngữ của người H’mông, thay họ nói lên tình cảm trong lòng: “Anh ném pao, em không bắt. Em không yêu, quả pao rơi rồi”. Đó là phương tiện giao duyên hữu hiệu của các chàng trai đối với con gái trong bản làng. Trong “Vợ chồng A Phủ”, ngòi bút Tô Hoài cũng tỏ ra rất thành công khi lột tả được nét đặc trưng, lột tả được “cái hồn” của tiếng sáo: “Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi”, “Tiếng sáo réo rắt suốt đêm ngoài đầu núi tranh”. Tiếng sáo còn là cách tỏ tình đặc biệt

của người con trai miền núi: “Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thối sáo xung quanh vách”. Thời gian cứ tiếp nối, những ngày tết vùng cao và đêm tình mùa xuân của ngày xưa và ngày sau dường như vẫn thế. Tiếng sáo gọi bạn tình vượt qua thời gian, tồn tại vĩnh hằng trong trái tim biết bao chàng trai cô gái miền sơn cước.

Bên cạnh những phong tục đẹp để thể hiện tâm hồn thuần phác, nồng hậu của đồng bào Tây Bắc là những phong tục còn mông muội, chứa nhiều điều bất công vẫn còn tồn tại ở Tây Bắc những năm trước Cách mạng. Đó là sự phân chia đẳng cấp giàu – nghèo rất rõ. Trang phục của con nhà giàu cũng có những dấu hiệu khác: “Rủ xuống những tua chỉ xanh đỏ mà chỉ riêng con cái nhà quan trong làng mới được đeo”. Đó là tục bắt vợ, cúng ma trình vợ đầy mê tín. Cái hủ tục lạc hậu ấy đã trở thành một thứ thần quyền ghê gớm án ngữ tư tưởng của người lao động nơi này, khiến họ luôn bị bóng đêm của sự mông muội đè nén, giày xéo không sao ngẩng đầu lên được. Đó là cái lệ đi ở trừ nợ: “bao giờ có tiền giả thì tao cho mày về, chưa có tiền giả thì tao bắt mày làm con trâu, con ngựa cho nhà tao. Đòi mày, đòi con, đòi cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi”. Đặc biệt, hình ảnh ngôi nhà gỗ nghi ngút khói thuốc phiện với bữa tiệc phạt vạ được miêu tả trong câu chuyện không thể tìm thấy được ở vùng đất nào khác. Tài năng của nhà văn tập trung trong việc quan sát, dựng cảnh sắc sảo cảnh xử kiện nhà thống lí Pá Tra. Dưới ngòi bút miêu tả của nhà văn, hủ tục, lề lối, sự tàn bạo, dã man của thể lực phong kiến miền núi đã được lột tả hết sức sinh động: “Cứ mỗi đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phủ lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đến đánh. Mặt A Phủ sưng lên, môi và đuôi mắt dập chảy máu. Người thì đánh, người thì quỳ lạy, kể lể, chửi bới. Xong một lượt đánh, kể, chửi, lại hút. Khói thuốc phiện ngào ngạt tuôn qua các lỗ cửa sổ. Rồi Pá Tra lại ngóc cổ lên, vuốt tóc, gọi A Phủ... Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút. [...] Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo thuốc phiện, như những con mọt nghiêng gổ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kể lải nhải, và tiếng đấm đánh huỳnh huỵch”. Phải thấm thía cảnh sống đau đớn, tủ nhục như thế, ta mới cảm nhận được hết sức mạnh “cởi trói” tựa như bản năng sinh tồn mãnh liệt của những thân phận bị chà đạp.

Tóm lại, nghệ thuật miêu tả sinh hoạt và phong tục của nhà văn đã giúp người đọc có thêm nhiều hiểu biết phong phú về đời sống của đồng bào Tây Bắc. Trong truyện ngắn này, bằng vốn hiểu biết phong phú và khả năng quan sát tinh tế, tác giả đã khắc hoạ lại được những bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng, thể hiện được nhiều phong tục độc đáo và miêu tả sinh động những người H’mông hồn nhiên, ngay thẳng. Từ cảnh xuân trên bản đến cảnh vui chơi trong ngày Tết, cảnh xô xát giữa hai đám thanh niên đến cảnh xử kiện,... tất cả đều được phác hoạ sống động, tài tình, tạo nên phong vị đặc trưng của vùng núi Tây Bắc cụ thể, xác thực.

Nét đặc sắc nhất của chất thơ trong tác phẩm “Vợ chồng A Phủ” biểu hiện ở tâm hồn nhân vật Mị. Ẩn sâu trong tâm hồn Mị, một cô gái tưởng chừng như héo hắt, sống một cuộc đời lầm lũi “đến bao giờ chết thì thôi” ấy, có ai ngờ, vẫn le lói những đốm lửa của khát vọng tự do, của tình yêu cuộc sống. Ở nhà thống lí Pá Tra, Mị có cái vẻ ngoài âm thầm chịu đựng nhưng bên trong, kỳ thực, đó lại là một sức sống tiềm tàng, rạo rực. Đúng như Tô Hoài đã nói: “Ở nơi rừng núi mờ mịt ấy, các dân tộc đã không lặng lẽ chịu đựng”. Tính nhân văn trong câu chuyện là đây. Chất thơ đặc biệt được tác giả tạo nên là đây. Đó là khi nghe tiếng sáo gọi bạn trong những đêm tình mùa xuân vọng về, lòng Mị lại “thiết tha bồi hồi”. Tiếng sáo giao duyên ấy chạm vào phần sâu kín nhất của tâm hồn Mị, phần tâm hồn rạo rực của cô gái trẻ ngỡ như đã chết đi khi cô mang thân phận con dâu trừ nợ nhà thống lí Pá Tra. Tiếng sáo giao duyên ấy đã dẫn lối tâm hồn Mị trở về với ký ức của những ngày tự do xưa: “Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm

thối sáo đi theo Mị”. Và tiếng sáo giao duyên ấy thức tỉnh tâm hồn Mị: “Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi...”. Đến đây, ta chợt nhớ lại một câu châm ngôn rằng: “Cái chết không phải là mất mát lớn nhất trong cuộc sống. Mất mát lớn nhất chính là ta để tâm hồn mình lụi tàn ngay cả khi còn sống.” Mị, từ một nhân vật sống không bằng chết, nay đã sống lại trong tâm hồn. Và khi tâm hồn Mị không lụi tàn chính là khi sức sống tiềm tàng, rạo rực trong Mị chỉ chờ cơ hội đến là trỗi dậy mạnh mẽ. Như vậy, trong quá trình xây dựng nhân vật Mị với một cuộc đời đầy bi kịch, nhà văn Tô Hoài đã thật khéo léo thêm vào nhân vật mình một nét tâm hồn rất “thơ” và giàu tính nhân văn. Dù viết về mảng đề tài bi kịch trong cuộc sống của con người, những trang văn của Tô Hoài vẫn thấm đượm chất thơ. Chất thơ ấy chứa đựng trong nỗi khát khao mãnh liệt về một tương lai tốt đẹp, tươi sáng cho mỗi con người.

Làm nên chất thơ của “Vợ chồng A Phủ” không thể không nhắc đến ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn với hàng loạt các âm thanh, các hình ảnh gợi hình, gợi cảm rất nên thơ và đậm màu sắc. Ngôn ngữ văn xuôi của Tô Hoài ngoài cái ý nghĩa cụ thể trong từng câu chữ còn có một cái vô hình khó chỉ ra nhưng hoàn toàn có thể cảm thấy, đó chính là giọng điệu, là âm điệu câu văn cùng tiết tấu nhịp nhàng của nó. Tiết tấu đó chính là sự thể hiện những điệu tâm hồn, những cung bậc khác nhau trong tình cảm của nhà văn. Những điều này sẽ được trình bày cụ thể ở phần sau, khi phân tích về nghệ thuật trần thuật của tác phẩm.

Tóm lại, chất thơ trong văn xuôi của Tô Hoài được tạo nên bởi sự kết hợp nhuần nhuyễn cái khí sắc lãng mạn với bút pháp trữ tình cùng cái duyên mượt mà của một văn phong điêu luyện. Đó là kết quả từ việc nhà văn vận dụng các loại hình nghệ thuật như hội họa, âm nhạc vào nghệ thuật viết văn; là kết quả của sự cộng hưởng giữa thơ ca và văn xuôi. Chất thơ say đắm lòng người không chỉ ở vẻ đẹp huyền diệu của thiên nhiên mà còn ở những cung bậc cảm xúc trong tâm hồn con người. Bên cạnh nghệ thuật sử dụng ngôn từ điêu luyện, Tô Hoài còn để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc bởi khả năng diễn đạt tài tình những rung động sâu xa, tinh tế trong thế giới đa cung bậc và muôn vàn sắc thái của tình cảm. Cảm thức tinh tế của Tô Hoài trong việc nắm bắt và tái hiện sự biến chuyển của màu sắc, âm thanh, ánh sáng, mùi vị trong thiên nhiên là một trong những yếu tố tạo nên bầu không khí trữ tình, trong trẻo, đẹp đẽ bao quanh thế giới nghệ thuật truyện ngắn Tô Hoài. Nhịp điệu, chất nhạc trong văn xuôi Tô Hoài bắt rễ từ vốn hiểu biết tinh tường về ngôn ngữ mẹ đẻ, những trực cảm tinh tế về ngôn ngữ.